

Số: 28 /2013/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 01 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Quy định các mức trợ cấp xã hội hàng tháng; mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng và mức hỗ trợ mai táng phí đối với người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

Căn cứ Thông tư số 26/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định các mức trợ cấp xã hội hàng tháng; mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng và mức hỗ trợ mai táng phí đối với người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Kon Tum, cụ thể như sau:

1. Mức chuẩn trợ cấp xã hội để xác định các mức trợ cấp xã hội hàng tháng, mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng đối với người khuyết tật là 180.000 đồng (theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ).

2. Mức trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng đối với người khuyết tật sống tại hộ gia đình được tính theo mức chuẩn trợ cấp xã hội nhân với hệ số theo quy định tại các Điều 16, 17 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP, cụ thể:

a) Mức trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật sống tại hộ gia đình được quy định như sau:

- Mức 270.000 đồng/người/tháng (hệ số 1,5) đối với người khuyết tật nặng.
- Mức 360.000 đồng/người/tháng (hệ số 2,0) đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng là người cao tuổi, người khuyết tật nặng là trẻ em.
- Mức 450.000 đồng/người/tháng (hệ số 2,5) đối với người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi, người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em.

b) Mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi được quy định như sau:

- Mức 270.000 đồng/người/tháng (hệ số 1,5) đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi một con dưới 36 tháng tuổi.

- Mức 360.000 đồng/người/tháng (hệ số 2,0) đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai và nuôi con dưới 36 tháng tuổi; người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang nuôi từ hai con trở lên dưới 36 tháng tuổi.

c) Trường hợp cả vợ và chồng là người khuyết tật thuộc diện hưởng hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này thì chỉ được hưởng một suất hỗ trợ kinh phí chăm sóc quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều này.

d) Trường hợp người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang hưởng trợ cấp xã hội quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này nhưng mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì vẫn được hưởng kinh phí hỗ trợ chăm sóc quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

đ) Người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này, khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng là 3.000.000 đồng (theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ).

e) Trường hợp người khuyết tật thuộc diện hưởng các mức trợ cấp xã hội, các mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng hoặc các mức hỗ trợ mai táng phí khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

f) Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng kinh phí hỗ trợ chăm sóc là 180.000 đồng/tháng (hệ số 1,0).

g) Người đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 19 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP khi nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng được hỗ trợ kinh phí chăm sóc được quy định như sau:

- Mức 270.000 đồng/người/tháng (hệ số 1,5) đối với trường hợp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc một người khuyết tật đặc biệt nặng.

- Mức 540.000 đồng/người/tháng (hệ số 3,0) đối với trường hợp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc từ hai người khuyết tật đặc biệt nặng trở lên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế các nội dung về mức trợ cấp, hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với người khuyết tật, người tâm thần tại Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Quy định mức trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- **Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Quyết định này.**

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động TB&XH;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- TT.UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch & các P.Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Kon Tum;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Chi cục Văn thư lưu trữ tỉnh;
- Lưu VT, VX2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KS CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Kim Bôn